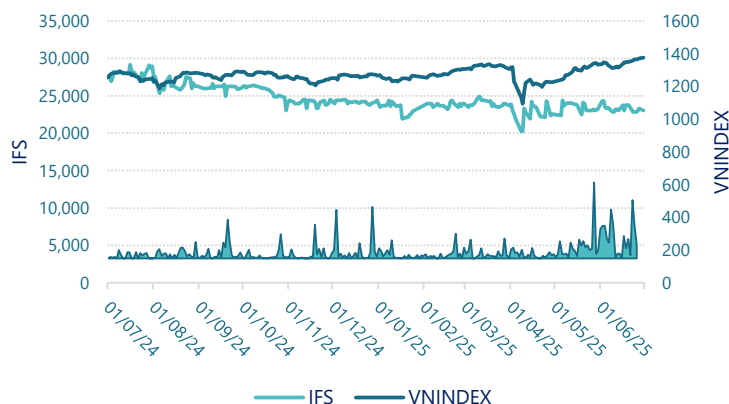


CTCP Thực phẩm Quốc tế (UPCOM: IFS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	25,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,154
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,261
SL cổ phiếu LH	87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,155
% sở hữu nước ngoài	97.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,179
P/E	14.1
EPS	1,768

DT thuần

Q2/25

490

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.00 | -1.3%

YoY: ▼35.0 | -6.7%

LN sau thuế

Q2/25

38.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.50 | -18.0%

YoY: ▼16.2 | -29.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.9%

+/- YoY: ▼ 3.8%

DT thuần

6T 2025

986

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 14.0 | 1.5%

LN sau thuế

6T 2025

86.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.9 | -18.0%

ROE

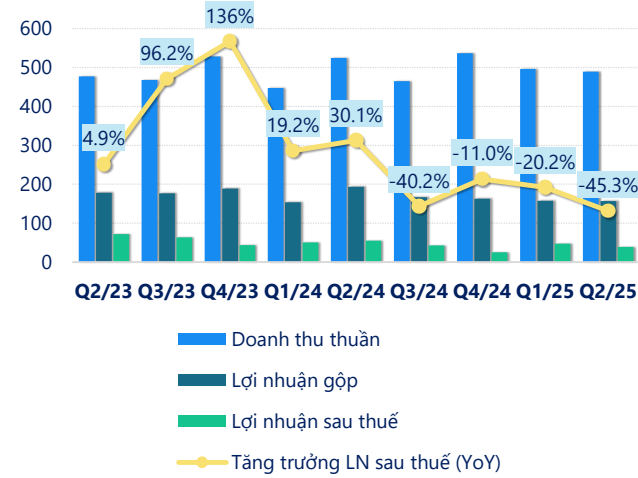
Q2/25

11.6%

+/- YoY: ▼ 4.4%

tỷ VNĐ

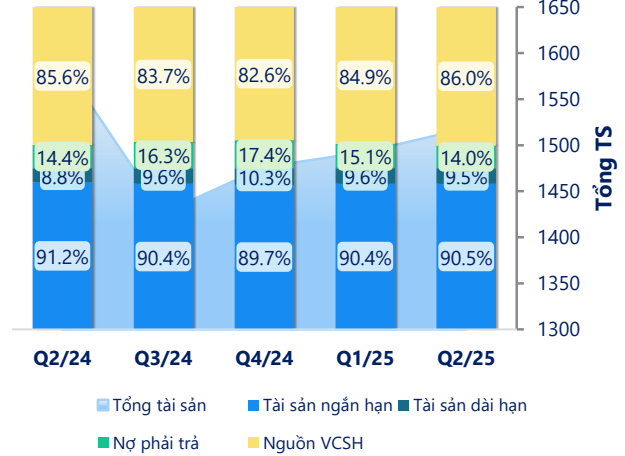
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

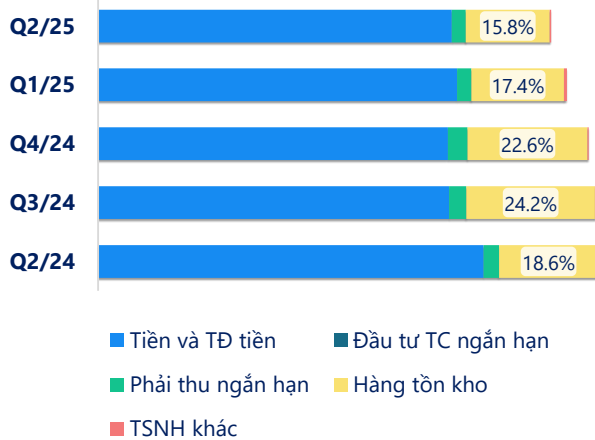
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



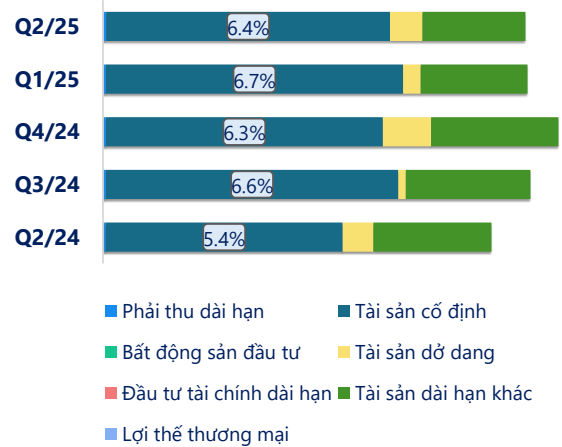
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

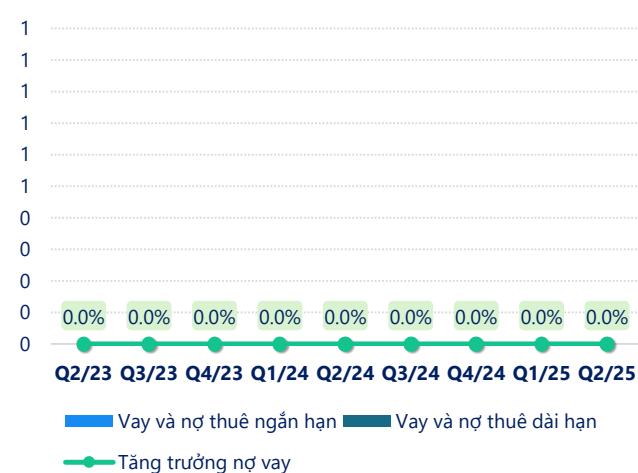
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

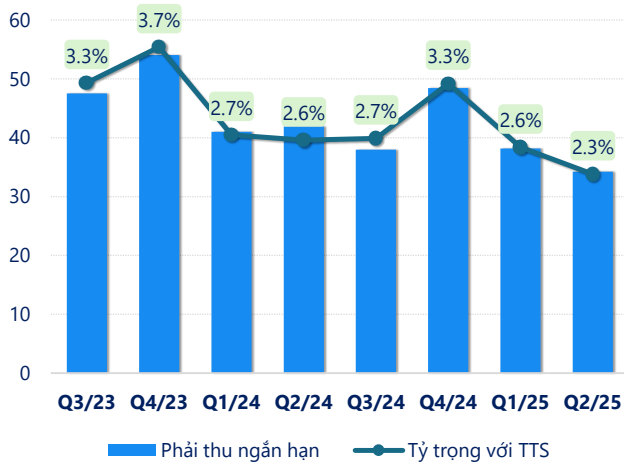
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



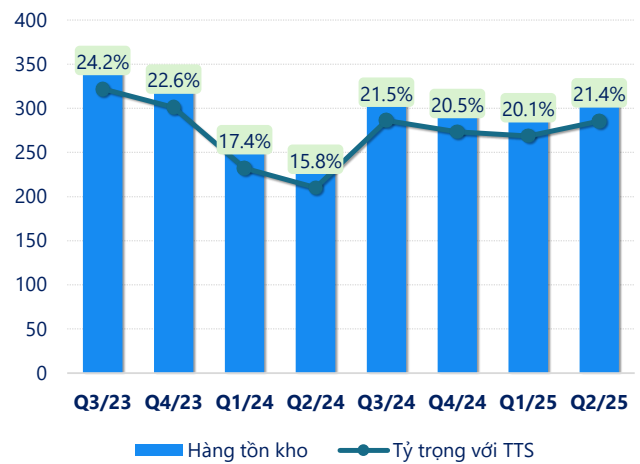
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


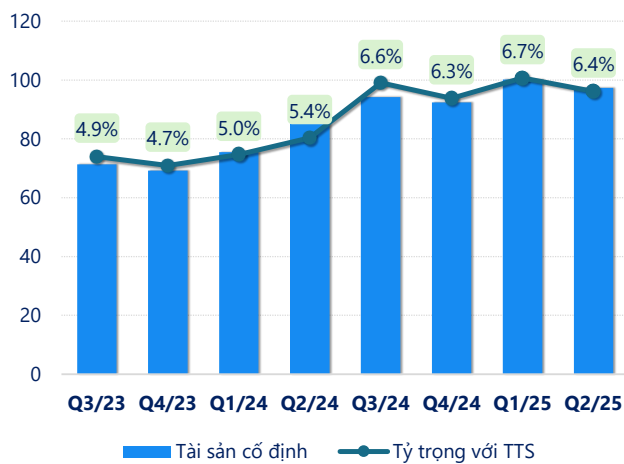
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


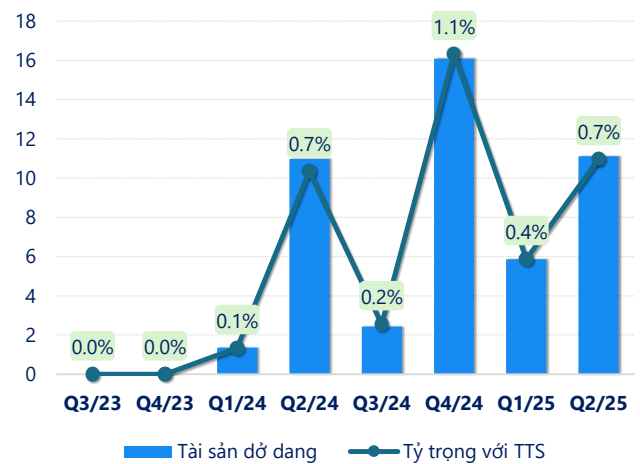
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

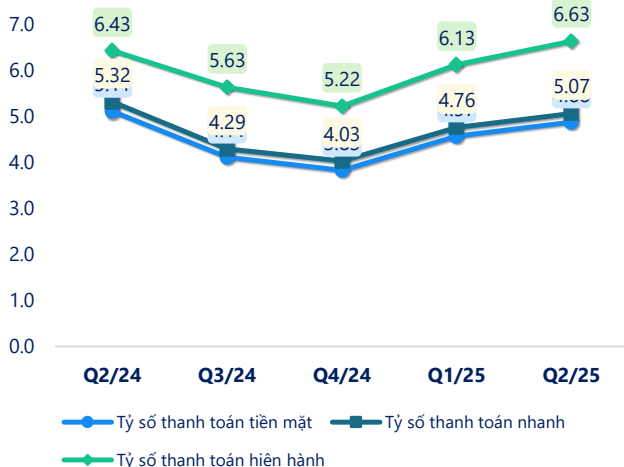
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

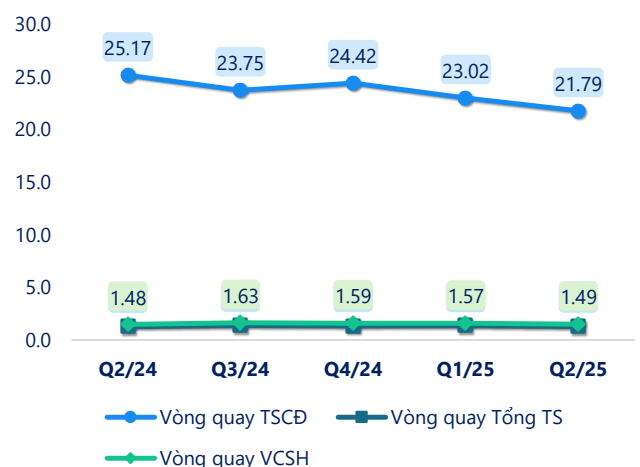
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	1,590	1,426	1,476	1,493	1,518
Tài sản ngắn hạn	1,450	1,289	1,325	1,350	1,374
Tiền và tương đương tiền	1,153	941	971	1,008	1,010
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	41.9	38.0	48.4	38.2	34.2
Hàng tồn kho	251	306	303	301	325
Tài sản ngắn hạn khác	4.94	3.41	2.53	3.28	4.17
Tài sản dài hạn	139	138	152	143	145
Phải thu dài hạn	0.93	0.93	0.93	0.93	1.08
Tài sản cố định	85.1	94.2	92.4	100	97.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.0	2.43	16.1	5.85	11.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	42.3	40.1	42.4	36.0	35.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	229	232	257	226	213
Nợ ngắn hạn	226	229	254	220	207
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	144	137	148	139	137
Nợ dài hạn	3.31	3.35	3.39	5.61	5.83
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,361	1,194	1,219	1,267	1,306
Vốn chủ sở hữu	1,361	1,194	1,219	1,267	1,306
Vốn điều lệ	871	871	871	871	871
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)